

QUYẾT ĐỊNH

Về việc công bố công khai điều chỉnh, bổ sung dự toán ngân sách nhà nước
năm 2022

CỤC TRƯỞNG CỤC THI HÀNH ÁN DÂN SỰ

Căn cứ Nghị định số 62/2016/NĐ-CP ngày 18 tháng 7 năm 2016 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Thi hành án dân sự cơ quan thi hành án dân sự và công chức làm công tác thi hành án dân sự;

Căn cứ Nghị định số 163/2016/NĐ-CP ngày 21 tháng 12 năm 2016 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Ngân sách nhà nước;

Căn cứ Thông tư số 61/2017/TT-BTC ngày 15 tháng 6 năm 2017 của Bộ Tài chính hướng dẫn thực hiện công khai ngân sách đối với đơn vị dự toán ngân sách, các tổ chức được ngân sách nhà nước hỗ trợ;

Căn cứ Thông tư số 90/2018/TT-BTC ngày 28 tháng 9 năm 2018 của Bộ Tài chính về việc sửa đổi bổ sung một số điều của Thông tư số 61/2017/TT-BTC;

Căn cứ Quyết định số 177/QĐ-CTHA ngày 11 tháng 8 năm 2022 của Cục trưởng Cục Thi hành án dân sự tỉnh Quảng Nam về việc giao điều chỉnh, bổ sung dự toán ngân sách nhà nước năm 2022;

Xét đề nghị của Trưởng phòng Phòng Tài chính – kế toán Cục Thi hành án dân sự;

QUYẾT ĐỊNH

Điều 1. Công bố công khai số liệu điều chỉnh, bổ sung dự toán ngân sách năm 2022 của Cục thi hành án dân sự tỉnh Quảng Nam (theo Phụ lục đính kèm Quyết định này).

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký.

Điều 3. Chánh Văn phòng, Trưởng phòng Tài chính – Kế toán và các đơn vị liên quan tổ chức thực hiện Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- Phó cục trưởng (để biết);
- Vụ KHTC Tổng cục (để b/c);
- Lưu,

- Cơ sở TTTT.



CỤC TRƯỞNG

Lê Văn Chương

**TỔNG CỤC THADS
CỤC THI HÀNH ÁN DÂN SỰ
TỈNH QUẢNG NAM**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh**

DỰ TOÁN ĐIỀU CHỈNH, BỔ SUNG ĐƯỢC GIAO VÀ PHÂN BỐ CHO CÁC ĐƠN VỊ TRỰC THUỘC NĂM 2022

(Kèm theo Quyết định số 128/QĐ-CTHADS ngày 12 tháng 8 năm 2022 của Cục trưởng Cục THADS tỉnh Quảng Nam)

Đơn vị: 1.000đ

STT	Chỉ tiêu	Dự toán được giao	Dự toán đã phân bổ (chi tiết từng loại khoản, đơn vị)	Tên Kho bạc Nhà nước nơi giao dịch	Mã số KBNN nơi giao dịch
A	DỰ TOÁN CHI NSNN			3	4
I	QUẢN LÝ HÀNH CHÍNH (LOẠI 340 - KHOẢN 341)	667,830	0		
	Giao tự chủ tài chính	485,000	0		
	Giao không tự chủ tự chủ tài chính	182,830	0		
1	Văn phòng Cục THADS		-182,830	KBNN tỉnh Quảng Nam	1961
	Giao tự chủ tài chính				
	Giao không tự chủ tài chính		-182,830		
2	Chi cục THADS Tam Kỳ		-83,675	KBNN tỉnh Quảng Nam	1961
	Giao tự chủ tài chính		-100,000		
	Giao không tự chủ tài chính		16,325		
3	Chi cục THADS Phước Sơn		17,705	KBNN huyện Phước Sơn	1972
	Giao tự chủ tài chính		10,000		
	Giao không tự chủ tài chính		7,705		
4	Chi cục THADS Đông Giang		-12,040	KBNN huyện Đông Giang	1970
	Giao tự chủ tài chính		-20,000		
	Giao không tự chủ tài chính		7,960		
5	Chi cục THADS Tây Giang		-145,650	KBNN huyện Tây Giang	1976
	Giao thường xuyên		-155,000		
	Giao không tự chủ tài chính		9,350		
6	Chi cục THADS Nam Giang		76,320	KBNN huyện Nam Giang	1971
	Giao tự chủ tài chính		70,000		
	Giao không tự chủ tài chính		6,320		
7	Chi cục THADS Nam Trà My		8,660	KBNN huyện Nam Trà My	1975
	Giao tự chủ tài chính		0		
	Giao không tự chủ tài chính		8,660		

STT	Chỉ tiêu	Dự toán được giao	Dự toán đã phân bổ (chi tiết từng loại khoản, đơn vị)	Tên Kho bạc Nhà nước nơi giao dịch	Mã số KBNN nơi giao dịch
8	Chi cục THADS Bắc Trà My		28,005	KBNN huyện Bắc Trà My	1969
	Giao tự chủ tài chính		20,000		
	Giao không tự chủ tài chính		8,005		
9	Chi cục THADS Tiên Phước		35,340	KBNN huyện Tiên Phước	1968
	Giao tự chủ tài chính		25,000		
	Giao không tự chủ tài chính		10,340		
10	Chi cục THADS Núi Thành		45,965	KBNN huyện Núi Thành	1965
	Giao tự chủ tài chính		30,000		
	Giao không tự chủ tài chính		15,965		
11	Chi cục THADS Thăng Bình		170,945	KBNN huyện Thăng Bình	1966
	Giao tự chủ tài chính		160,000		
	Giao không tự chủ TC		10,945		
12	Chi cục THADS Quế Sơn		29,305	KBNN huyện Quế Sơn	1964
	Giao tự chủ tài chính		20,000		
	Giao không tự chủ tài chính		9,305		
13	Chi cục THADS Hiệp Đức		28,355	KBNN huyện Hiệp Đức	1973
	Giao tự chủ tài chính		20,000		
	Giao không tự chủ tài chính		8,355		
14	Chi cục THADS Duy Xuyên		-4,350	KBNN huyện Duy Xuyên	1974
	Giao tự chủ tài chính		-15,000		
	Giao không tự chủ tài chính		10,650		
15	Chi cục THADS Điện Bàn		64,335	KBNN thị xã Điện Bàn	1963
	Giao tự chủ tài chính		50,000		
	Giao không tự chủ tài chính		14,335		
16	Chi cục THADS Đại Lộc		-65,990	KBNN huyện Đại Lộc	1967
	Giao tự chủ tài chính		-75,000		
	Giao không tự chủ tài chính		9,010		
17	Chi cục THADS Phú Ninh		89,305	KBNN huyện Phú Ninh	1977
	Giao tự chủ tài chính		80,000		
	Giao không tự chủ tài chính		9,305		
18	Chi cục THADS Hội An		2,290	KBNN thành phố Hội An	1962
	Giao tự chủ tài chính		-10,000		
	Giao không tự chủ tài chính		12,290		
19	Chi cục THADS Nông Sơn		-101,995	KBNN huyện Nông Sơn	1979
	Giao tự chủ tài chính		-110,000		
	Giao không tự chủ tài chính		8,005		